

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá lô gỗ rừng
trồng phòng hộ của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tây Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 03/2012/TTLT-BKHĐT-BNNPTNT-BTC ngày 05/6/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 và Quyết định số 66/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 125/TTr-STC ngày 12/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá lô gỗ rừng trồng phòng hộ của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tây Sơn, cụ thể như sau:

1. Vị trí khai thác: tại Tiểu khu 228, 241, 242 xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

2. Giá bán khởi điểm bình quân 1 tấn gỗ rừng trồng tại Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn

- Keo lai, keo lá tràm:

+ Gỗ gia dụng: 1.600.000 đồng/tấn.

+ Gỗ nguyên liệu giấy: 1.200.000 đồng/tấn.

- Tỷ lệ quy đổi khối lượng như sau:

Keo lá tràm

+ Gỗ gia dụng: tỷ lệ quy đổi $1m^3 = 1,1$ tấn; $1.600.000$ đồng/tấn $\times 1,1 = 1.760.000$ đồng/ m^3 .

+ Gỗ nguyên liệu giấy: tỷ lệ quy đổi $1m^3 = 1$ tấn; $1.200.000$ đồng/tấn $\times 1 = 1.200.000$ đồng/ m^3 .

Keo lai

+ Gõ gia dụng: tỷ lệ quy đổi $1\text{m}^3 = 1$ tấn; $1.600.000$ đồng/tấn $\times 1 = 1.600.000$ đồng/ m^3 .

+ Gõ nguyên liệu giấy: tỷ lệ quy đổi $1\text{m}^3 = 0,9$ tấn; $1.200.000$ đồng/tấn $\times 0,9 = 1.080.000$ đồng/ m^3 ;

- Chi phí trực tiếp bình quân trong khai thác (chi phí nhân công, chi phí nguyên liệu, vận chuyển) là: 542.587 đồng/ m^3 .

3. Giá bán bình quân 1m^3 gỗ bán cây đứng tại rừng

- Keo lá tràm

+ Gõ gia dụng:

$$1.760.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 - 542.587 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 1.217.413 \text{ đồng}/\text{m}^3.$$

+ Gõ nguyên liệu giấy:

$$1.200.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 - 542.587 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 657.413 \text{ đồng}/\text{m}^3.$$

- Keo lai

+ Gõ gia dụng:

$$1.600.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 - 542.587 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 1.057.413 \text{ đồng}/\text{m}^3.$$

+ Gõ nguyên liệu giấy:

$$1.080.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 - 542.587 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 537.413 \text{ đồng}/\text{m}^3.$$

4. Tổng sản lượng gỗ thương phẩm khai thác: $10.165,4\text{m}^3$, trong đó gỗ gia dụng $3.758,3\text{m}^3$, gỗ nguyên liệu giấy là $6.380,1\text{m}^3$.

5. Tổng giá trị khởi điểm lô gỗ gia dụng và gỗ nguyên liệu giấy là: 7.770.330.109 đồng (Làm tròn: 7.770.330.000 đồng)

5.1. Gõ keo lá tràm

- Gõ gia dụng: $987,4\text{m}^3 \times 1.217.413 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 1.202.073.596$ đồng.

- Gõ nguyên liệu giấy: $1.508,1\text{m}^3 \times 657.413 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 991.444.545$ đồng.

5.2. Gõ keo lai

- Gõ gia dụng: $2.797,9\text{m}^3 \times 1.057.413 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 2.958.535.832$ đồng.

- Gõ nguyên liệu giấy: $4.872\text{m}^3 \times 537.413 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 2.618.276.136$ đồng.

6. Về phương thức bán: bán đấu giá cây đứng công khai theo đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Giao Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn chỉ đạo Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tây Sơn triển khai thực hiện việc bán đấu giá theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây

Sơn, Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tây Sơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Châu;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K13 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu